

Số: 36 /BC-UBND

Yên Lạc, ngày 25 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công khai dự toán ngân sách
năm 2022 xã Yên Lạc

Kính gửi: Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện Phú Lương

Ủy ban nhân dân xã Yên Lạc báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện công khai dự toán năm 2022 theo Nghị định số 163//2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Tình hình công khai ngân sách tại đơn vị :

Số TT	Chỉ tiêu	Đơn vị đã thực hiện công khai ngân sách					
		Nội dung		Hình thức		Thời gian	
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian	Chưa đúng thời gian
1	UBND xã Yên Lạc	x		x		x	

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân

Số: 40 /BC-UBND

Yên Lạc, ngày 30 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO
Tình hình thực hiện công khai Dự toán ngân sách năm 2022

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

UBND xã đã chỉ đạo Ban tài chính xã thực hiện công khai dự toán năm 2021, kết quả thực hiện như sau:

- Đã thực hiện công khai dự toán năm 2022 theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022;

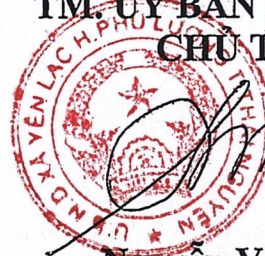
- Hình thức công khai: Niêm yết tại trụ sở UBND xã, thông qua cuộc họp giao ban với các xóm, phát trên bản tin phát thanh xã, đăng tải trên trang thông tin điện tử xã.

Trên đây là báo cáo về tình hình công khai số liệu dự toán năm 2022 của UBND xã Yên Lạc./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huân

Số: 499/QĐ-UBND

Yên Lạc, ngày 31 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách
năm 2022 xã Yên Lạc

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ YÊN LẠC

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ
quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính
hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 29/12/2021 của Hội đồng nhân
dân xã Yên Lạc về việc phân bổ dự toán ngân sách năm 2022;*

Theo đề nghị của Ban Tài chính xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2022 của xã Yên Lạc (theo các biểu kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Công chức Văn phòng Thống kê, Ban tài chính xã, các ngành có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND huyện;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện;
- TT Đảng ủy – HĐND xã;
- Trường các đoàn thể xã;
- Lưu: VP, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Huấn



UBND XÃ YÊN LẠC

Biểu số 103 / CKTC- NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: Nghìn đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.122.000	TỔNG SỐ CHI	6.122.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	115.000	I. Chi đầu tư phát triển	
1. Phí lệ phí			
2. Đóng góp của nhân dân theo quy định			
3. Thu kết dư ngân sách năm trước		II. Chi thường xuyên	5.922.564
4. Thu khác			
II. Các khoản thu phân theo tỷ lệ	97.000		
		III. Dự phòng	120.035
		IV. Tiết kiệm chi	79.401
III. Thu bổ sung	5.910.000		
Bổ sung cân đối	5.910.000		
Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ 2022

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2021			DỰ TOÁN NĂM 2022			SO SÁNH (%)		
		TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN	TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN
A	B	1	2	3	4	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	TỔNG CHI	6.588.000		6.588.000	6.122.000		6.122.000	92,93		92,93
I	Các khoản thu 100%:	-			-					
	Trong đó	-			-					
1	Chi DQTV	130.000		130.000	266.463		266.463	204,97		204,97
2	Chi ANTT	30.000		30.000	30.000		30.000	100,00		100,00
3	Chi y tế	-			-					
4	Chi văn hóa, thông tin	17.000		17.000	31.500		31.500	185,29		185,29
5	Chi phát thanh, truyền thanh	-			-					
6	Chi thể dục thể thao	20.000		20.000	22.500		22.500	112,50		112,50
7	Chi bảo vệ môi trường	-			-					
8	Chi các hoạt động kinh tế	40.000		40.000	31.500		31.500	78,75		78,75
9	Chi hoạt động của các cơ quan Quản lý	6.166.000		6.166.000	5.492.601		5.492.601	89,08		89,08
10	Chi công tác xã hội	48.000		48.000	48.000		48.000	100,00		100,00
11	Tiết kiệm chi	30.000		30.000	79.401		79.401	264,67		264,67
12	Dự phòng ngân sách	107.000		107.000	120.035		120.035	112,18		112,18

UBND XÃ YÊN LẠC



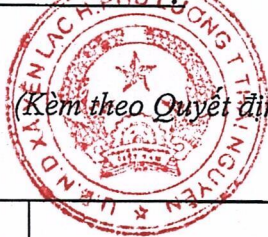
Biểu số 108/CK TC-NSNN

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 499/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Yên Lạc)

Đơn vị tính: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU	6.122.000	TỔNG SỐ CHI	6.122.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%	115.000	I. Chi đầu tư phát triển	
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ	97.000	II. Chi thường xuyên	5.922.564
III. Thu bổ sung	5.910.000	III. Dự phòng	120.035
- Bổ sung cân đối ngân sách	5.910.000	IV. Tiết kiệm 10% chi TX	79.401
- Bổ sung có mục tiêu			
IV. Thu chuyển nguồn			



DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2021

(Kèm theo Quyết định số 49/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2021 của UBND xã Yên Lạc)

ĐVT: 1000 đồng

STT	Nội dung	Dự toán	
		Thu NSNN	Thu NSX
A	B	3	4
	TỔNG THU	6.090.000	6.122.000
I	Các khoản thu 100%	115.000	115.000
1	Phí, lệ phí	50.000	50.000
2	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
3	Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
4	Thu phạt, tịch thu khác theo quy định		
5	Thu từ tài sản được xác lập quyền SHNN theo quy định		
6	Đóng góp của nhân dân theo quy định		
7	Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
8	Thu khác	65.000	65.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỉ lệ phần trăm (%)	65.000	97.000
1	Các khoản thu phân chia	13.000	24.500
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	3.000	3.000
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
	- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000	10.000
	- Lệ phí trước bạ nhà, đất		11.500
2	Các khoản thu phân chia khác do tính quy định	52.000	72.500
	- Thuế Giá trị gia tăng	35.000	35.000
	- Thuế TNCN từ sản xuất kinh doanh	17.000	8.500
	- Thuế TNCN từ chuyển nhượng bất động sản		29.000
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	5.910.000	5.910.000
	- Thu bổ sung cân đối	5.910.000	5.910.000
	- Thu bổ sung có mục tiêu		